

Số: 220/CV-FHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội**
- Mã chứng khoán: FHN.
- Địa chỉ: Số 2 Ngõ Gạch, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37150371; Fax: 024.37150328
- Email: info@vihafood.com

2. Nội dung của thông tin công bố:

Thông báo số 218/TB-HĐQT ngày 29/4/2026 của Hội đồng quản trị về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chia cổ tức năm 2025.


3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/4/2026 tại đường dẫn <http://www.vihafood.com>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Nghị quyết số 197/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026.
- Thông báo số 218/TB-HĐQT ngày 29/4/2026.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN^{trav}



Trần Hữu Hạnh

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026.

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chia cổ tức năm 2025)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết số 197/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 215/NQ-HĐQT ngày 29/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc trả cổ tức năm 2025 như sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

- Mã chứng khoán : FHN.

- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá giao dịch: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

- Sàn giao dịch : UpCom

- Ngày đăng ký cuối cùng: 22/5/2026.

- Tỷ lệ thực hiện : 11% /cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.100 đồng).

- Ngày trả cổ tức : Ngày 01/6/2026.

- Địa điểm thực hiện:

+ **Đối với chứng khoán lưu ký:** Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ **Đối với chứng khoán chưa lưu ký:** Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Phòng Tài chính Kế toán- Công ty CP XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội. Địa chỉ: Số 2 Ngõ Gạch, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội từ ngày 01/6/2026 (các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6) và khi làm thủ tục nhận cổ tức, Quý cổ đông vui lòng mang theo:

+ Sổ chứng nhận cổ đông;

+ Xuất trình CCCD (đối với cổ đông là cá nhân);

+ Giấy chứng nhận ĐKKD (bản sao y công chứng) và giấy giới thiệu của tổ chức (đối với cổ đông là tổ chức);

+ Trường hợp ủy quyền nhận cổ tức phải có giấy ủy quyền hợp pháp.

Công ty sẽ tiến hành khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- TB Kiểm soát;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Vũ Anh

Số: 197 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 22 tháng 4 năm 2026.

Tham dự Đại hội có mặt 47 cổ đông, với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện là 2.524.020 cổ phần chiếm 99,7% tổng số cổ phần đăng ký dự họp và chiếm 84,13% vốn điều lệ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với một số nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

- | | | |
|-----------------------------|---|------------------------|
| - Tổng doanh thu, thu nhập | : 715.414/1.200.000 | Triệu đồng, đạt 60% |
| - Lợi nhuận trước thuế TNDN | : 3.524/3.475 | Triệu đồng, đạt 101% |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN | : 2.783/2.780 | Triệu đồng, đạt 100,1% |
| - Nộp ngân sách Nhà nước | : 16.128 | Triệu đồng |
| - Thu nhập bình quân | : 10.600.000 đồng/người/tháng | |
| - Tỷ lệ trả cổ tức | : 5% + 6% (5% cổ tức năm và 6% từ giá trị còn lại của các BĐS nhận được từ hợp đồng HTKD và giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty CP PPBL VNF1, tương đương 1,8 tỷ đồng). | |

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- | | | |
|------------------------------|---|--|
| - Sản lượng bán ra | : 55.000 tấn. | |
| - Tổng doanh thu, thu nhập | : 800.000 triệu đồng. | |
| - Lợi nhuận trước thuế TNDN | : 3.500 triệu đồng. | |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN | : 2.800 triệu đồng. | |
| - Nộp NS Nhà nước, TNBQ | : Theo quy định. | |
| - Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến) | : 5% + 6% (5% cổ tức năm và 6% từ giá trị còn lại của các BĐS nhận được từ hợp đồng HTKD và giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty CP PPBL VNF1, tương đương 1,8 tỷ đồng). | |



1.3. Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của Công ty, nhà đầu tư.

Với tỷ lệ số phiếu tán thành là 100%; không tán thành là 0% và không có ý kiến khác là 0%.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Với tỷ lệ số phiếu tán thành là 100%; không tán thành là 0% và không có ý kiến khác là 0%.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phương án trích lập, sử dụng các quỹ, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

Stt	Chỉ tiêu		Số tiền	Đvt
I	Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025			
1	Tài sản ngắn hạn	:	63.679.448.142	đồng
2	Tài sản dài hạn	:	92.988.661.863	đồng
3	Nợ phải trả	:	53.239.634.357	đồng
4	Vốn chủ sở hữu	:	103.428.475.648	đồng
5	Tổng doanh thu đã trừ nội bộ	:	715.414.456.373	đồng
6	Tổng chi phí đã trừ nội bộ	:	711.890.215.852	đồng
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2025	:	3.524.240.521	đồng
8	Thuế TNDN phải nộp năm 2025	:	741.320.369	đồng
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	:	2.782.920.152	đồng
10	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2024	:	51.936.556.559	đồng
11	Tổng LNST chưa phân phối theo BCTC tại ngày 31/12/2025	:	54.719.476.711	đồng
II	Thông qua phương án trích lập, sử dụng các quỹ, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025			
I	LNST được phân phối.	:	4.582.920.152	đồng
	<i>Trong đó</i>			
	- Quỹ đầu tư phát triển (31% LNST 2025)	:	865.354.937	đồng
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST 2025)	:	278.426.689	đồng
	- Chia cổ tức tỷ lệ 11% x VĐL	:	3.300.000.000	đồng
	Trong đó: + Chia cổ tức tỷ lệ 5%/VĐL năm 2025	:	1.500.000.000	đồng
	+ Chia cổ tức tỷ lệ 6%/VĐL/năm từ giá trị còn lại của các BĐS nhận được từ hợp đồng HTKD và giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Cty CP PPBL VNF1.	:	1.800.000.000	đồng

	- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (5%LNST 2025)	:	139.138.526	đồng
2	LNST chưa phân phối lũy kế chuyển sang năm 2026	:	50.136.556.559	đồng

Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện phương án trích lập, sử dụng các quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025 nêu trên theo quy định của pháp luật.

Với tỷ lệ số phiếu tán thành là 100% ; không tán thành là 0% và không có ý kiến khác là 0%.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát:

Với tỷ lệ số phiếu tán thành là 100% ; không tán thành là 0% và không có ý kiến khác là 0%.

Điều 5. Phê duyệt danh sách và quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt danh sách và quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Với tỷ lệ số phiếu tán thành là 100% ; không tán thành là 0% và không có ý kiến khác là 0%.

Điều 6. Thông qua quyết toán kinh phí hoạt động, Quỹ thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Quỹ thù lao của HĐQT và BKS công ty năm 2026:

6.1. Quyết toán Quỹ thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Chức vụ	Số lượng (người)	Số tiền thù lao/năm		Ghi chú
			Số kế hoạch	Số thực hiện	
I	Thù lao của HĐQT, BKS	07	300.000	237.600	
1	Chủ tịch HĐQT	01	60.000	45.600	
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	04	192.000	153.600	
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	48.000	38.400	
II	Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	02	36.000	28.800	
1	Thư ký HĐQT kiêm nhiệm	01	24.000	19.200	
2	Thành viên giúp việc HĐQT kiêm nhiệm	01	12.000	9.600	
	Cộng (I+II)	09	336.000	266.400	

6.2. Quỹ thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

6.2.1. Căn cứ để xác định mức thù lao HĐQT và BKS năm 2026:

+ Số lượng Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Định hướng, chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

